

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2020

V/v: *Ly hôn, con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Gia Thắng

2. Ông Hoàng Ngọc Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên tòa: Ông Đinh Trọng Nho – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57 /2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2020/QĐST – DS ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Q**, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm Thành Công, xã Văn Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Hạnh – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt)

Bị đơn: Anh **Dương Kim V**, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm Thành Công, xã Văn Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Thành Công – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Hà Thị Quỳnh trình bày:

Chị Hà Thị Q và anh Dương Kim V có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ vào năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống không hạnh phúc nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong phong tục tập quán nên thường nảy sinh cãi vã, thiếu tin tưởng nhau. Anh V thường xuyên dọa chị về việc làm bùa ngải của người dân tộc Dao, mỗi lần gọi điện thoại đều dọa dẫm nên chị Q không dám nói chuyện lâu, có lần cũng không dám nghe máy. Đêm muộn từ 11 giờ đến 12 giờ đêm, anh V hay nhắn tin cho chị với nội dung dọa dẫm về việc ngủ cũng không được yên, ngủ sẽ bị đầu trâu mặt ngựa đến tìm và quấy rối. Chị Q không có thói quen lưu tin nhắn nhưng gần đây chị có chụp lại một số tin nhắn do anh V nhắn đến và chị đã cung cấp cho HĐXX. Chị Q phải chịu nhiều áp lực về tinh thần, hay mất ngủ. Vào khoảng tháng 2/2020 chị Q phải đi phẫu thuật tuyến giáp, anh V thiếu quan tâm chăm sóc, không hỏi han gì đến chị nên chị Q đã về nhà mẹ đẻ ở xóm Dẹ 2, xã Văn Miếu, huyện Thanh Sơn sinh sống và đi làm ăn. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ đó đến nay, anh V có gọi điện cho chị nhưng chỉ gọi và nhắn tin để dọa chứ không hỏi han, động viên hay quan tâm gì. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể tiếp tục cuộc sống chung, chị Q rất mệt mỏi và sợ hãi nên chị Q làm đơn xin ly hôn anh V.

Về con chung: Chị Hà Thị Q xác nhận chị và anh Dương Kim V có 02 con chung là Dương Phú Tuấn A, sinh ngày 05/01/2011 và Dương Thị Hồng N, sinh ngày 18/02/2017, hiện nay cả hai con chung đang ở cùng mẹ đẻ anh V vì chị và anh V đều phải đi làm ăn. Nguyên vọng của chị Q xin được nuôi con chung là cháu N giao cho anh V nuôi cháu Tuấn A, chị Q không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị Q đang làm tại Bắc Ninh thu nhập 9.000.000/tháng. Nếu được nuôi cháu N chị Q sẽ xin về làm gần nhà để có điều kiện chăm sóc con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng: Chị Hà Thị Q khẳng định anh chị không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn, anh Dương Kim V trong quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh V thừa nhận về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như chị Q trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống chỉ xảy ra những mâu thuẫn nhỏ không đến mức phải ly hôn. Đến năm 2019 vì hoàn cảnh khó khăn vợ chồng đều đi làm ăn xa tình cảm vợ chồng bị sao nhãng, chị Q có quan hệ tình cảm với người khác, anh V bỏ qua và động viên chị Q về chung sống nhưng chị Q cương quyết không đồng ý và vợ chồng anh chị sống ly thân với nhau từ khoảng tháng 3/2020 đến nay. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải khuyên bảo nhiều lần nhưng chị Q không nghe. Nay chị Q xin ly hôn anh V không nhất trí vì xác định anh vẫn còn tình cảm với chị Q, mong muốn đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Về mâu thuẫn vợ chồng theo anh V là do chị Q có quan hệ với người khác nên xin ly hôn với anh V nhưng do anh V nghi ngờ chưa không biết rõ là ai, chỉ thấy chị Q hay sử dụng điện thoại và nhắn tin nên

không cung cấp được thông tin cụ thể. Còn việc chị Q cho rằng anh V không quan tâm khi chị Q đi mổ tuyến giáp anh V cho rằng: Trong thời gian chị Q phải phẫu thuật tuyến giáp do anh cũng ốm nên không đi chăm sóc được và chị Q có nói là không cần nên anh không đi chứ không phải anh không quan tâm. Chị Q từ ngày ly thân là tháng 3/2020 không quan tâm đến anh và gia đình, thỉnh thoảng về nhưng chỉ về nhà bố mẹ đẻ của chị Q ở xóm Dẹ 2, xã Văn Miếu và chỉ qua nhà anh thăm các con xong đi luôn. Vợ chồng anh đều đi làm ăn xa nhưng anh V không biết hiện nay chị Q làm ở tỉnh nào vì anh cũng bận đi làm. Trong quá trình Tòa án giải quyết, anh có gọi điện cho chị Q nói chuyện nhưng chị Q lạnh nhạt, không có thiện chí nên anh chị không nói chuyện được nhiều. Việc chị Q nói anh có nhắn tin và gọi điện dọa dẫm, anh V thừa nhận cũng có nhắn tin với nội dung như chị Q nói nhưng anh chỉ nói vậy thôi chứ anh không làm bừa ngải gì, mà pháp luật cũng không thừa nhận việc này. Tại phiên tòa anh V cũng thừa nhận do đều đi làm ăn xa, không có thời gian nên anh cũng không có biện pháp gì khác để khắc phục tình trạng vợ chồng anh chị hiện nay và nếu tiếp tục chung sống thì cuộc sống chung của vợ chồng anh cũng không hạnh phúc nhưng anh vẫn đề nghị HĐXX cho vợ chồng anh đoàn tụ. Nếu chị Q cương quyết thì anh cũng chấp nhận nhưng sẽ vẫn cho chị Q cơ hội quay về.

Về con chung: Anh Dương Kim V xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Dương Phú Tuấn A, sinh ngày 05/01/2011 và cháu Dương Thị Hồng N, sinh ngày 18/02/2017, hiện nay cả hai con chung đang ở cùng anh V và mẹ đẻ anh V. Nguyên vọng của anh V là xin nuôi cả hai con không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện anh V đang làm lao động tự do thu nhập 9.000.000/tháng. Nếu được nuôi cả hai cháu anh V sẽ làm việc tại địa phương và sẽ nhờ mẹ đẻ chăm sóc các cháu khi anh phải đi làm.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng: Anh Dương Kim V khẳng định anh và chị Q không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bà Đinh Thị H trình bày: Qua tài liệu chứng cứ, quan điểm của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay có thể thấy tình trạng hôn nhân của chị Q và anh V đã trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại vì anh chị đã sống ly thân từ tháng 3/2020 đến nay. Bản thân anh V cũng thừa nhận hai bên gia đình cũng đã khuyên bảo, hòa giải nhưng không được. Anh V không có biện pháp gì để khắc phục tình trạng vợ chồng anh chị hiện nay. Những tin nhắn chị Q chụp lại đã cung cấp cho HĐXX xem xét thể hiện việc anh V đã có hành vi bạo hành chị Q về mặt tinh thần, làm cho Q sống trong lo lắng, sợ hãi mà không dám nói chuyện và gặp mặt anh V. Anh V thường nhắn tin dọa chị Q vào thời điểm 23 giờ đêm là thời gian cần nghỉ ngơi. Như vậy anh V và chị Q không thể có được một cuộc hôn nhân hạnh phúc. Đề nghị HĐXX xem xét cho chị Q được ly hôn anh V. Về con chung: điều kiện nuôi con của chị Q và anh V ngang nhau, anh chị lại có hai con chung, hơn nữa cháu Hồng N là con gái lại còn nhỏ nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Q, cho chị Q được trực tiếp nuôi cháu Dương Thị Hồng N và anh V được trực tiếp nuôi cháu

Dương Phú Tuấn A. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không có đề nghị xem xét, giải quyết.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Lã Thành C trình bày: Về quan hệ hôn nhân của chị Q và anh V, sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, thỉnh thoảng có mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ. Chị Q cho rằng anh V không quan tâm vì khi chị đi mỗ anh V không chăm sóc, hỏi han chị nhưng trong thời gian đó bản thân anh V cũng ốm và chị Q nằm viện cũng đã có mẹ đẻ chăm sóc. Anh V vẫn còn tình cảm với chị Q nhưng bản thân anh V thật thà, không biết thể hiện tình cảm, sự quan tâm đối với vợ nên xảy ra hiểu lầm không đáng có. Anh V vẫn thường xuyên gọi điện quan tâm, động viên vợ quay về để chung sống xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Do vậy đề nghị HĐXX xem xét cho chị Q và anh V được đoàn tụ để cùng nhau tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình. Về con chung: nguyện vọng xin được nuôi con 02 con của anh V là chính đáng vì hiện nay hai con đang ở với anh và mẹ đẻ anh, anh V đi làm nhưng vẫn thường xuyên về nhà nên có điều kiện chăm sóc các con, anh V có thu nhập trung bình là 9.000.000đ/ 1 tháng. Còn chị Q đi làm ăn xa không có thời gian chăm sóc con nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu về con chung của anh V. Anh V và chị Q không có tài sản chung, nợ chung nên không có đề nghị gì.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của chị Q, cho chị Q và anh V về đoàn tụ để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình. Do bác yêu cầu ly hôn nên không có đề nghị về việc xem xét về con chung, tài sản và công nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Hà Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Dương Kim V, đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn – anh Dương Kim V có địa chỉ tại Xóm Thành Công, xã Văn Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Q và anh Dương Kim V có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND xã Văn Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng: Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ bằng biện pháp xác minh và lấy lời khai. Tại biên bản xác minh ngày 13/8/2020 ông Triệu Văn Q trưởng xóm Thành Công, xã Văn Miếu cho biết: Quá trình chung sống anh V và chị Q thường đi làm ăn xa, ít khi ở nhà nên mâu thuẫn cụ thể như thế nào khu dân cư không nắm được, khi vợ chồng ở nhà chỉ xảy ra những mâu

thuần nhỏ, không đáng kể nhưng qua năm bắt ông Q được biết anh V và chị Q không sống chung cùng nhau, ít thấy chị Q về nhà anh V. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2020 bà Lý Thị Y là mẹ đẻ anh V cho biết: Quá trình chung sống chị Q và anh V không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Đến đầu năm 2020 anh V bị viêm vòm họng, chị Q bị u tuyến giáp cả hai cùng phải đi điều trị nên chị Q cho rằng anh V thiếu quan tâm chăm sóc chị Q nên chị Q bỏ về nhà mẹ đẻ ở và đi làm ăn, sau đó chị Q làm đơn xin ly hôn anh V. Anh V cũng có động viên chị Q về nhưng chị Q không về vợ chồng ly thân với nhau từ đó đến nay. Nay chị Q làm đơn xin ly hôn quan điểm của bà Y là để anh V và chị Q tự quyết định.

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập được, quá trình làm việc tại Tòa án cũng như lời khai của các đương sự tại phiên tòa hôm nay, HĐXX thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng chị Q, anh V xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng về phong tục của hai dân tộc, không hiểu nhau, không chia sẻ được cho nhau, thiếu tin tưởng dẫn đến bất hòa và sống ly thân như hiện nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã hòa giải, phân tích nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, động viên vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị Q khẳng định hiện nay chị không còn tình cảm với anh V, chị luôn phải sống trong sợ hãi nên xin ly hôn để giải phóng cho nhau và sớm ổn định cuộc sống. Anh V khẳng định anh vẫn còn tình cảm mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng bản thân anh V cũng thừa nhận hai bên gia đình cũng đã khuyên bảo, hòa giải nhưng không được. Anh V không có biện pháp gì để khắc phục tình trạng vợ chồng anh chị hiện nay và anh V xác nhận nếu có tiếp tục chung sống thì cuộc sống chung của anh chị cũng sẽ không hạnh phúc. Trong quá trình sống ly thân anh V không biết chị Q làm ở đâu thể hiện việc anh không còn quan tâm đến chị Q. Những tin nhắn chị Q chụp lại đã cung cấp cho HĐXX thể hiện việc anh V đã có hành vi gây ảnh hưởng cho chị Q về mặt tinh thần, làm cho Q sống trong lo lắng, sợ hãi. Anh V cũng thừa nhận có nhắn tin cho chị Q như chị Q trình bày nhưng còn việc làm bừa thì không có. Có thể thấy thực tế đời sống chung vợ chồng giữa chị Q và anh V hiện nay không tồn tại, mâu thuẫn không có khả năng khắc phục, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mong muốn xin đoàn tụ của anh V là không thật tâm. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xử cho chị Q được ly hôn anh V là phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh V và chị Q đều xác nhận anh chị có 02 con chung là cháu Dương Phú Tuấn A, sinh ngày 05/01/2011 và cháu Dương Thị Hồng N, sinh ngày 18/02/2017, hiện nay cả hai con chung đang ở cùng anh V. Nhưng thực tế anh V cũng thường xuyên đi làm ăn, các con chung đang ở cùng mẹ đẻ anh V là bà Lý Thị Y.

HĐXX xét thấy nguyện vọng xin được nuôi con của cả hai bên đều chính đáng, xong HĐXX xem xét về điều kiện nuôi con của hai bên thấy rằng: Anh V và chị Q đều là lao động tự do, có thu nhập ngang nhau, điều kiện hoàn cảnh đều phải đi làm ăn xa và nhờ gia đình phụ giúp việc chăm sóc con chung khi đi làm. Vì vậy nếu như giao cho một người chăm sóc cả hai con chung sẽ rất vất vả và không đảm bảo được cuộc sống tốt nhất cho cả hai cháu. Trong bản tự khai cháu Tuấn A trình bày nguyện vọng là ở cùng ai cũng được, mai sau nếu muốn ở

cùng mẹ thì mẹ sẽ chăm sóc cháu; cháu N còn nhỏ tuổi nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai nhưng hiện nay cháu Tuấn A lớn hơn, khả năng tự lập cao, cháu N còn nhỏ, lại là con gái nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Từ những phân tích trên HĐXX thấy rằng cần giao cho chị Q được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Thị Hồng N, sinh ngày 18/02/2017 kể từ khi án có hiệu lực; Giao cho anh V được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Phú Tuấn A, sinh ngày 05/01/2011 đến khi các con chung thành niên. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung; nợ chung; tư trang riêng và công sức đóng góp: Chị Quỳnh và anh Việt đều khẳng định không có và không ai có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Q phải nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị Q được ly hôn và anh Dương Kim V.

2. Về con chung: Giao cho chị Hà Thị Q được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Thị Hồng N, sinh ngày 18/02/2017 kể từ tháng 9/2020; Giao cho anh Dương Kim V được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Phú Tuấn A, sinh ngày 05/01/2011 đến khi các con chung thành niên. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị Q đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0002147 ngày 10/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn. Nay chuyển thành án phí.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật

thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện.
- Cơ quan THADS huyện.
- UBND xã Văn Miếu
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Duyên Hòa